

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG
Số: 254 /TB – THPT QT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 10 tháng 10 năm 2022

CÔNG KHAI

TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ ĐỘI NGŨ

Năm học 2022 – 2023

1. Thông tin trường:

Tên trường: THPT Quang Trung

Danh hiệu: Trường Chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 7, ấp Phước An, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

Cổng thông tin: thptquangtrung.hcm.edu.vn

Điện thoại: 38929200 – 37910553

Email: c3quangtrung.tphcm@moet.edu.vn,

c3quangtrung@gmail.com

a) Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Văn bằng cao nhất	Công tác kiêm nhiệm
1	Lê Thị Uyên	Hiệu trưởng	Thạc sĩ	Dạy lớp
2	Nguyễn Văn Cải	Phó Hiệu trưởng	Thạc sĩ	GDNGLL Dạy lớp

b) Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn:

TT	Họ và tên	Tổ bộ môn	Văn bằng cao nhất	Công tác kiêm nhiệm
1	Phạm Thị Hà	Ngữ văn	Cử nhân ĐH	CTCD – GVCN
2	Nguyễn Văn In	Địa	Cử nhân ĐH	
3	Nguyễn Thị Phương	Sử – GDCD	Cử nhân ĐH	
4	Phan Tuyết Trinh	Sử – GDCD	Cử nhân ĐH	GVCN (TPCM)
5	Lê Thành Luật	Vật lý	Cử nhân ĐH	

6	Trần Kim Ngọc	Anh Văn	Cử nhân ĐH	
7	Nguyễn Vương Quốc Luyện	Toán – Hóa – Tin	Cử nhân ĐH	
8	Phan Văn Ly	Sinh học	Cử nhân ĐH	
9	Phan Văn Quy	Toán – Hóa – Tin	Cử nhân ĐH	(TOCM)
10	Huỳnh Cẩm Đường	Công nghệ	Cử nhân ĐH	
11	Hồ Đắc Khoa	Thể dục	Cử nhân ĐH	
12	Nguyễn Lê Hoài Trọng	Toán – Hóa – Tin	Cử nhân ĐH	(TPCM)

c) Tình hình giáo viên:

TT	Tổ bộ môn	Tổng số giáo viên	Nữ	Số giáo viên						So với nhu cầu	
				Số GV biên chế (cơ hữu)	Số GV hợp đồng thỉnh giảng	Trình độ chuyên môn				Thừa	Thiếu
						> ĐH	ĐH	CĐ	Khác		
1	Ngữ Văn	8	8	8			8				
2	Lịch Sử	3	2	3		1	2				
3	Địa Lý	3	1	3			3				
4	GDCD	2	2	2			2				
5	Toán	10	6	10			10				
6	Vật Lý	5	2	5		1	4				
7	Hoá học	6	1	6		1	5				
8	Sinh học	4	2	4			4				1
9	Tiếng Anh	8	8	8			8				
10	Tin học	2	1	2			2				
11	Kĩ thuật CN	1	0	1			1				
12	Kĩ thuật NN	2	1	2			2				

13	Thể dục	5	0	5			5				
14	GDQP&AN	0	0	0			0				1
	Cộng	59	34	54		3	56				2

2. Tình hình học sinh

Học sinh	Sĩ số học sinh cuối năm 2021 – 2022		Chuyển đi		Chuyển đến		Sĩ số học sinh đầu năm 2022 – 2023		Học sinh bỏ học	
Khối lớp	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
10	536	303	2	2	0	0	534	301	34	21
11	484	248	14	1	13	7	483	254	0	0
12	405	234	5	2	2	1	401	232	1	1
Toàn trường			21	5	15	8	1418	787	35	22

Trong đó, số học sinh học lại là 0, số học sinh bỏ học của khối 10 là học sinh không nộp hồ sơ xác nhận nhập học.

3. Cơ sở vật chất

Chỉ danh	Số lượng	Diện tích/ Qui cách kỹ thuật/ Công năng
Phòng học	32	48 m ² / phòng đều được trang bị TV
Phòng Tư vấn tâm lý	1	20 m ²
Phòng TN Lý	1	96 m ²
Phòng TN Hóa	1	96 m ²
Phòng TN Sinh	1	96 m ²
Phòng TN LHS		
Phòng TN HS		
Phòng Lab	2	48m ² / 1 phòng
Phòng Vi tính	3	96 m ² / 1 phòng
Phòng Nghe nhìn	3	48 m ² / 1 phòng
Hội trường	1	144 m ²

Thư viện	1	144 m2
Nhà Đa năng		
Phòng Multimedia		
Phòng Bộ môn		
Phòng Thiết bị	1	48m2
Nhà thi đấu TDTT	1	377.7 m2

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Lê Thị Uyên